

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị L và
anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung
2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 17-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 167 đường D, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 9/5 đường Nguyễn Viết X, phường B, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy H, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi đi thi hành án: Số 167 đường D, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án tại: Đội 27, phân trại 2, trại giam K, xã V, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị L và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-7-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 07-10-2004, đăng ký lại vào ngày 17-3-2005. Vợ chồng chị sống đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2013 anh H vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Từ đó đến nay chị phải nuôi con một mình. Mỗi lần thăm gặp anh H, vợ chồng lại có những mâu thuẫn, bất đồng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Duy H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thùy L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Sau này anh H chấp hành án xong, nếu anh H có nguyện vọng được nuôi con thì vợ chồng chị sẽ thỏa thuận giải quyết với nhau. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thùy L trình bày vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10-11-2021, bị đơn là anh Trần Duy H xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, con chung theo lời trình bày của chị L là đúng. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Vợ chồng anh sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thường xuyên vi phạm pháp luật và ít khi ở bên gia đình, vợ con. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì khác. Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh cũng không có ý kiến gì. Về tài sản và công nợ chung: Anh và chị L không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt mình.

Tại Biên bản xác minh ngày 23-11-2021, chính quyền địa phương nơi chị L và anh H trước đây cùng cư trú đã cung cấp: Năm 2013, anh H vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án từ đó đến nay. Sau khi anh H đi chấp hành án, chị L và các con cũng chuyển đi nơi khác. Chị L và anh H có hai con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Nay chị L có đơn xin ly hôn, nuôi con với anh H, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Trần Nguyễn Hà M và cháu Trần Duy A có đơn đề nghị được anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chấp hành án xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H.

Về con chung: Giao chị Trần Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 07-10-2004, đăng ký lại vào ngày 17-3-2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh H đều trình bày xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân là do anh H vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Anh H có lời khai nhất trí giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội

đồng xét xử quyết định: Giao cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy L là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 24-3-2005 và Trần Duy A, sinh ngày 03-02-2009. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H về việc không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0005024 ngày 14-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thùy L và anh Trần Duy H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng